

TƯ TƯỞNG CỦA ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYỄN GIÁP VỀ HÒA BÌNH VÀ KHOAN DUNG – MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM VÀ Ý NGHĨA CƠ BẢN

Đinh Ngọc Thạch^(*)

^(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

Email: thachtr@yahoo.com

Nguyễn Thị Thanh Thủy^()**

^(**) Phó giáo sư, tiến sĩ, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

Email: thanhthuy6711@gmail.com

Tóm tắt: Trong “Tuyên bố về các nguyên tắc khoan dung” (Declaration of Principles on Tolerance) của tổ chức UNESCO ngày 16/11/1995, khoan dung được xác định là một giá trị mang tính nhân loại, với ý nghĩa “thay thế văn hóa chiến tranh bằng văn hóa hòa bình” (UNESCO, 16 November 1995, Article 1). Điều đó có nghĩa, hòa bình và khoan dung, xét từ khía cạnh chính trị và đạo đức, là những giá trị không tách rời nhau. Hòa bình gắn với văn hóa khoan dung, là điều kiện cho sự phát triển xã hội và phát huy nhân tố con người trên cơ sở sẻ chia và đồng thuận giữa người với người vì mục đích tốt đẹp. Một trong những nhà hoạt động tiêu biểu của cách mạng Việt Nam thể hiện sinh động giá trị nhân văn ấy là Đại tướng Võ Nguyên Giáp – người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tư tưởng Võ Nguyên Giáp về hòa bình và khoan dung xuyên suốt cuộc đời, sự nghiệp của ông, và tiếp tục được vận dụng trong điều kiện hiện nay. Bài viết góp phần tìm hiểu một số đặc điểm của tư tưởng Võ Nguyên Giáp về hòa bình và khoan dung, rút ra ý nghĩa của tư tưởng đó đối với sự nghiệp đổi mới đất nước.

Từ khóa: Khoan dung, hòa bình, nhân văn, đổi mới.

Ngày nhận bài: 17/08/2025; ngày phản biện: 18/08/2025; ngày sửa chữa: 10/09/2025; ngày duyệt đăng: 15/09/2025.

1. Đặt vấn đề

Xuất hiện trong triết học của phái Khắc kỷ tại Hy Lạp và La Mã cổ đại, thuật ngữ “Khoan dung” (tolerance, từ tiếng Latin: tolerare, tolerantia) dùng để chỉ thái độ sống tích cực, có trách nhiệm, độ lượng – khoan hồng và chia

sẻ, đối thoại và học hỏi, tôn trọng sự khác biệt và vị tha, nhẫn nhịn và tự chủ, thể hiện tính giáo dục - nhân văn sâu sắc. Khái niệm “khoan dung” có nét tương đồng với khái niệm “bao dung”, nhưng có ý nghĩa rộng hơn, mang tính khái quát cao hơn.

Khoan dung thường được bộc lộ qua việc con người đánh giá bản chất sự vật bằng đôi mắt “người khác”. Ở tầm mức nhân loại, chúng tôi tán thành với ý kiến cho rằng, “khoan dung được bảo đảm bằng việc xác lập các biểu tượng, thể hiện những giá trị nhân loại chung như các quyền con người, dân chủ, hòa bình” (Đình Ngọc Thạch 2025: 15 –16).

Khoan dung và hòa bình được tìm thấy trong công trình của nhiều nhà tư tưởng như J.Locke, F.M.Voltaire, Ch.Montesquieu, I.Kant... và được bổ sung bằng các chất liệu mới trong thời đại hiện nay. Trong *Tiến tới nền hòa bình vĩnh cửu. Một phác thảo triết học*, I.Kant cho rằng chiến tranh là căn nguyên tự nhiên, song có thể ngăn chặn nó bằng nỗ lực “thỏa ước” giữa các quốc gia, bằng sự cùng chung sống hòa bình, bởi lẽ “không có quốc gia nào được phép tự dùng vũ lực can thiệp vào hiến pháp và nhà nước của một quốc gia khác”. Theo I.Kant, hướng đến một nền hòa bình vĩnh cửu, trên cơ sở thừa nhận sự khác biệt và tăng cường đối thoại, hiểu biết, độ lượng, vị tha và chia sẻ (khoan dung), hợp nhất lợi ích giữa các quốc gia – đó là tiếng nói của lương tri và lý trí (Xem: I.Kant 1917: 8, 22 – 23).

Tác giả Huỳnh Khải Vinh và Nguyễn Thanh Tuấn trong cuốn sách *Bàn về khoan dung trong văn hóa* cho rằng, khoan dung và khát vọng hòa bình luôn thể hiện niềm tin của con người về một thế giới tốt đẹp, ở cả phương Đông và

phương Tây. Tại Việt Nam, quá trình tiếp xúc, giao lưu, tích hợp và phát triển văn hóa trên cơ sở hệ giá trị của dân tộc được hình thành từ triều đại các vua Hùng, và duy trì ở các thời đại sau với tinh thần khoan dung và triết lý phát triển trong hòa bình (Xem: Huỳnh Khải Vinh và cộng sự 1997: 242, 252, 254).

Tuyên bố về các nguyên tắc khoan dung của UNESCO đưa ra sáu điều khoản, trong đó nhấn mạnh ý nghĩa của khoan dung, sự thể hiện khoan dung ở các cấp độ và các lĩnh vực hoạt động của con người: Điều 1 chỉ rõ: “Khoan dung nghĩa là sự tôn trọng, sự tiếp nhận và sự hiểu biết đúng đắn tính đa dạng phong phú của các nền văn hóa trên thế giới, các hình thức tự thể hiện và các phương thức biểu hiện cá thể tính con người. Nó được thúc đẩy bởi tri thức, sự cởi mở giao tiếp và tự do tư tưởng, lương tâm và chính kiến. Khoan dung – đó là sự hài hòa trong tính đa dạng. Đó không chỉ là nghĩa vụ đạo đức, mà còn là nhu cầu chính trị và pháp lý. Khoan dung – đó là phẩm hạnh, *cái đảm bảo cho hòa bình*” (UNESCO 1995, Article 1). Khoan dung hoàn toàn xa lạ với sự áp đặt ý chí của một cá nhân, nhóm hay tập đoàn lên người khác; nó đòi hỏi bác bỏ chủ nghĩa giáo điều và chuyên chế trong hoạt động của con người, đồng thời đề cao sự cộng hưởng và chấp nhận nhau để các dân tộc cùng chung sống hòa bình và hướng đến tương lai tốt đẹp (Xem: UNESCO 1996: 34). Sự gọi mở từ UNESCO về hòa bình

và khoan dung trở nên cần thiết trong điều kiện hiện nay, khi đất nước ta đang bước vào kỷ nguyên phát triển mới, tiếp tục kế thừa, phát huy hệ giá trị truyền thống của dân tộc, trong đó có hòa bình, khoan dung, mà Võ Nguyên Giáp là một trong những minh chứng tiêu biểu cho sự tiếp thu, phát triển hệ giá trị ấy.

2. Một số đặc điểm của tư tưởng Võ Nguyên Giáp về hòa bình và khoan dung

Văn hóa hòa bình và khoan dung chiếm vị trí đặc biệt trong di sản tinh thần của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, và cùng với những phẩm chất khác làm nên hành trang tư tưởng gắn với ông suốt cuộc đời hoạt động cách mạng không mệt mỏi, từ thời kỳ đấu tranh giành độc lập và thống nhất đất nước đến xây dựng hòa bình và tiếp tục bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ trước các thế lực thù địch.

Thứ nhất, cội nguồn sâu xa của tư tưởng Võ Nguyên Giáp về hòa bình và khoan dung là truyền thống văn hóa dân tộc.

Khát vọng hòa bình và khoan dung thống nhất với nhau trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Càng yêu nước, dân tộc ta càng tha thiết hòa bình; cuộc đấu tranh chống ngoại xâm cũng chỉ nhằm mục đích cuối cùng là hòa bình, độc lập, tự do. Hiểu được nỗi đau chiến tranh, người Việt càng tỏ ra khoan dung không chỉ đối với đồng bào mình, mà còn đối với kẻ xâm lược. Thời nào cũng vậy,

“trước khi sử dụng lời nói của vũ khí, thì việc cần làm cũng phải là dùng vũ khí của lời nói” (Trần Thái Bình 2024: 145) để thể hiện thiện chí hòa bình, hay “cầu hòa” với ngoại bang, mong cho đất nước thanh bình.

Trong quan hệ với các nước trong khu vực, hòa bình và khoan dung không chỉ được người Việt Nam xem như một giá trị cần được duy trì, mà còn như phép ứng xử tích cực nhằm tạo thế quân bình giữa những biến động phức tạp của dòng chảy lịch sử. Khát vọng hòa bình, sống thân thiện với các dân tộc khác, “nhẫn nhịn” để tránh xung đột, ngăn ngừa chiến tranh trong những trường hợp cụ thể được vận dụng một cách linh hoạt, chủ động. Ngô Quyền đánh tan quân xâm lược trên sông Bạch Đằng, nhưng sau đó vẫn “giữ lễ”, giữ thể diện cho nhà Nam Hán. Trên dòng sông lịch sử đó, Lê Đại Hành tiếp tục chiến thắng quân xâm lược Tống. Với mong muốn duy trì quan hệ giao hảo giữa hai nước, duy trì hòa bình, nhà vua vẫn thực hiện việc triều cống và có đôi chút nhân nhượng về vị thế, chấp nhận “ơn rộng lượng của Thánh triều” (Nguyễn Đăng Thục 1998: 33). Triết lý phát triển trên cơ sở văn hóa khoan dung và hòa bình tiếp tục được phát huy trong các triều đại tiếp theo, từ thời Lý, thời Trần đến thời Lê sơ và nhà Tây Sơn.

Việc thực hiện chính sách an dân, khoan thư sức dân đã tạo nên sức mạnh của Đại Việt trong thời Trần, làm nên

chiến thắng vang dội của dân tộc trước đế quốc Nguyên - Mông hùng mạnh. Chiến tranh chống ngoại xâm không có mục tiêu nào khác ngoài hòa bình, độc lập, tự do và hạnh phúc cho nhân dân. Trần Hưng Đạo cho rằng, “muốn biết được hay thua, trước hết phải biết cân nhắc xem dân khinh hay là dân sợ”, và xác định “bền gốc để rộng nền”; đối với binh sĩ thì “dùng binh ví như dùng thuốc, tùy bệnh mà chữa”, “vận dụng khéo tất phòng tổn thất” (Trần Hưng Đạo 2022: 48, 61, 196, 198, 204, 205, 223). Đang lúc bị ốm, nhà vua tới thăm, hỏi về kế sách giữ nước, Trần Hưng Đạo trả lời: “khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước” (*Đại Việt sử ký toàn thư* 1985, tập II: 77). Bên cạnh đó, Trần Hưng Đạo luôn đề cao mối quan hệ “hòa mục”, tương thân tương ái trong quan hệ xã hội: “Hòa mục có công hiệu rất lớn cho cuộc trị an... Vua tôi hòa mục thì dùng được người tài; tướng văn, tướng võ hòa mục thì làm nên công nghiệp; tướng sĩ hòa mục, trong lúc thường sẽ nhường nhịn nhau, gặp nguy nan sẽ cứu giúp nhau. Đó, hòa mục là đạo rất hay cho việc trị nước hành binh, không thay đổi được” (Trần Hưng Đạo 2022: 38).

Cuộc kháng chiến chống quân Nguyên thắng lợi, đất nước thoát khỏi khói lửa chiến tranh, bước vào kỷ nguyên hòa bình, danh tướng Trần Quang Khải viết: “Bến Chương Dương cướp giáo/Cửa Hàm Tử bắt thù/Thái

binh nên gắng sức/Non nước cũ muôn thu” (*Đại Việt sử ký toàn thư* 1985, tập II: 55). Tư tưởng hòa bình, khoan dung không tách rời chủ nghĩa yêu nước, lòng tự tôn dân tộc. Càng yêu nước, người Việt Nam càng mong muốn có môi trường yên vui, hòa bình, đồng thuận trên dưới và giữ mối quan hệ giao hảo với láng giềng, tranh thủ mọi cơ hội dù nhỏ nhất cho hòa bình, ổn định, chấn hưng dân tộc.

Trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, người Việt Nam “lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo”, đồng thời sẵn sàng “mở lòng hiếu sinh” đối với quân xâm lược. Bài học về khoan dung, nhân đạo, nhân nghĩa của người xưa đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đại tướng Võ Nguyên Giáp vận dụng sau chiến thắng Điện Biên Phủ, trong cách ứng xử khoan hồng, độ lượng với kẻ bại trận: “Ấy cũng là “thể lòng trời chẳng giết, ... mở lòng hiếu sinh” như trước kia Lê Lợi và Nguyễn Trãi chủ trương” (Nhiều tác giả 2019: 211).

Với kẻ bại trận là như thế. Song, nếu quân xâm lược tỏ ra hiếu chiến thì dân tộc Việt Nam sẵn sàng đáp trả bằng sức mạnh của chiến tranh toàn dân, toàn diện, trường kỳ. Lời của Võ Nguyên Giáp đáp trả đại diện chính quyền Pháp ở miền Bắc ngày 6/8/1946 đã chứng minh điều đó: “Các ông muốn hòa bình thì sẽ có hòa bình. Muốn chiến tranh, thì sẽ có chiến tranh” (Dẫn theo: Trần Thái Bình 2024: 148). Đại tướng Võ Nguyên

Giáp đã kế thừa và phát huy truyền thống văn hóa dân tộc trong tư tưởng hòa bình và khoan dung, nâng lên tầm cao mới trong thời đại Hồ Chí Minh.

Cùng với truyền thống văn hóa dân tộc, *tư tưởng về hòa bình và khoan dung của Đại tướng Võ Nguyên Giáp được xác lập trên cơ sở chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh*. Trong lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết cho hòa bình, phát triển. Chủ nghĩa Mác – Lênin luôn nhấn mạnh mối liên hệ bền chặt giữa hòa bình bền vững và quyền tự quyết của các dân tộc. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C.Mác và Ph.Ăngghen viết: “Hãy xóa bỏ tình trạng người bóc lột người thì tình trạng dân tộc này bóc lột dân tộc khác bị xóa bỏ. Khi mà sự đối kháng giữa các giai cấp trong nội bộ dân tộc không còn nữa thì sự thù địch giữa các dân tộc cũng đồng thời mất theo” (C.Mác và Ph.Ăngghen 1995, tập 4: 624). Như vậy, để đảm bảo hòa bình giữa các nước, trước hết cần phải xóa bỏ mọi sự thù hận, chia rẽ dân tộc, tôn trọng quyền tự do, tự chủ, độc lập của các dân tộc. V.I.Lênin cho rằng, “quyền dân tộc tự quyết... không thể có nghĩa nào khác hơn là quyền tự quyết về chính trị, là quyền độc lập quốc gia, là sự thành lập quốc gia dân tộc” (V.I.Lênin 2005, tập 25: 303). Tại Đại hội lần thứ II Quốc tế cộng sản, bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I.Lênin đã được

thông qua, theo đó, trong vấn đề giải phóng dân tộc, vai trò của Quốc tế cộng sản là “làm cho vô sản và quần chúng lao động của tất cả các dân tộc và tất cả các nước gần gũi nhau...” (V.I.Lênin 2005, tập 41: 199). Nguyễn Ái Quốc đã đến với chủ nghĩa Mác – Lênin thông qua bản “*Sơ thảo...*” và nhiều quyết sách linh hoạt khác, trong đó có NEP – một biểu hiện của triết lý hòa bình – khoan dung, “biện chứng cách mạng” trong điều kiện nước Nga sau nội chiến, “thích hợp với trình độ của người nông dân bình thường nhất” (V.I.Lênin 2005, tập 45: 424). Con đường chính trị mà Nguyễn Ái Quốc lựa chọn đã có sức cuốn hút đối với Võ Nguyên Giáp trong những năm tháng đầu tiên tham gia cách mạng. Mục đích làm cách mạng không có gì khác ngoài độc lập, tự do cho dân tộc và phát triển đất nước theo quy luật của lịch sử.

Thứ hai, tư tưởng Hồ Chí Minh đóng vai trò to lớn trong quá trình hình thành tư tưởng Võ Nguyên Giáp về hòa bình, khoan dung.

Hòa bình gắn với độc lập, tự do – đó là nguyên tắc và lý tưởng chính trị không thể bác bỏ. Trong *Tuyên ngôn độc lập* khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn tám mươi năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!” (Hồ Chí Minh 2011, tập

4: 3). Bên cạnh đó, trong một bức thư gửi nhân dân, Người nhắc nhở: “Cần làm cho thế giới biết rằng chúng ta là một dân tộc văn minh” (Hồ Chí Minh 2011, tập 4: 30). Khát vọng hòa bình và hội nhập quốc tế trên cơ sở văn hóa khoan dung được Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi Tổng thống Mỹ H.Toruman trong điện văn ngày 17/10/1945, với mong muốn “được hợp tác với những nền dân chủ khác trong việc tạo lập và củng cố nền hòa bình và phồn vinh trên thế giới” (Hồ Chí Minh 2011, tập 4: 60). Ngày 31/12/1968, trong thư gửi những người bạn Mỹ đứng về phía nhân dân Việt Nam chống quân xâm lược, Người viết: “Nhân dân Việt Nam (...) rất tha thiết với hòa bình, một nền hòa bình trong độc lập, tự do thật sự. Nhưng chừng nào đất nước Việt Nam còn bị xâm lược, thì nhân dân Việt Nam còn kiên quyết chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn” (Hồ Chí Minh 2011, tập 15: 530).

Khoan dung gắn với đại đoàn kết, đại đoàn kết làm nên “linh hồn” của văn hóa khoan dung và hòa bình. Trong thư gửi đồng bào Nam Bộ vào năm 1946, Hồ Chủ tịch viết: “Trong mấy triệu người cũng có người thế này thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều dòng dõi của tổ tiên ta. Vậy nên ta phải *khoan hồng đại độ*. Ta phải nhận rằng đã là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng có ít hay nhiều lòng ái quốc. Đối với những đồng bào lạc lối lầm đường, ta phải lấy tình thân ái mà cảm hóa họ. Có như thế mới

thành đại đoàn kết” (Hồ Chí Minh 2011, tập 4: 280-281). Trong thư gửi đồng bào Công giáo nhân dịp lễ Noel, Hồ Chủ tịch bày tỏ: “Tiếng chuông nhà thờ năm nay mừng sinh nhật Chúa là tiếng chuông hòa bình, tự do, hạnh phúc trong lòng của mọi đồng bào Công giáo (...). Tôi mong đồng bào Công giáo ta sẽ hết lòng hết sức cùng toàn dân kiên quyết đấu tranh cho nước nhà thống nhất, giữ vững hòa bình” (Hồ Chí Minh 2011, tập 10: 226). Võ Nguyên Giáp đã kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh về khoan dung và văn hóa hòa bình một cách toàn diện, trung thành, vận dụng sáng tạo vào từng hoàn cảnh cụ thể và lĩnh vực hoạt động, đối nội và đối ngoại.

Thứ ba, khoan dung nhưng không khoan nhượng, hòa bình không tách rời sự nghiệp đấu tranh chính nghĩa của dân tộc – tư tưởng đó mang tính xuyên suốt trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng của Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh, ngay từ những ngày đầu bước vào con đường cách mạng, Võ Nguyên Giáp đã xác định rõ mục tiêu chiến đấu của mình: chiến đấu để giành hòa bình cho Tổ quốc, cuộc sống hạnh phúc, phồn vinh cho nhân dân, không phân biệt địa vị, chính kiến. Là một nhà giáo dạy lịch sử, Võ Nguyên Giáp thấu hiểu khát vọng hòa bình và đạo lý khoan dung ngàn đời của dân tộc, lưu truyền qua bao thế hệ. Theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, thấm nhuần lý tưởng chính trị

của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp dần thân vào con đường hoạt động cách mạng, từng bước trở thành người Anh Cả của Quân đội nhân dân Việt Nam. Quân đội ấy chiến đấu hy sinh vì nền hòa bình cho đất nước, không lùi bước trước mọi kẻ thù. Tinh thần quyết chiến, quyết thắng được truyền lửa bằng tâm huyết của Hồ Chí Minh trong thời khắc sinh tử: “*Dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải giành cho được độc lập tự do*” (Dẫn theo: Đại tướng Võ Nguyên Giáp 1976: 268). Chính vì thế, trong những năm tháng đầy thử thách, quân và dân chia sẻ khó khăn, đồng cam cộng khổ, quân lắng nghe và thấu hiểu dân, dân bao bọc, che chở cho lực lượng vũ trang chuẩn bị các nguồn lực để khởi nghĩa giành chính quyền (Xem: Võ Nguyên Giáp 1976: 135 – 145, 156 – 159).

Vào khoảng 5 giờ chiều ngày 22/12/1944, trong một khu rừng giữa hai tổng Trần Hưng Đạo và Hoàng Hoa Thám (tỉnh Cao Bằng), Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân ra đời, gồm 34 cán bộ, chiến sĩ. Đúc kết tư tưởng chính trị - quân sự của lãnh tụ Hồ Chí Minh, Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhấn mạnh 6 quan điểm cơ bản, trong đó có quan điểm về “đường lối chính trị quyết định đường lối quân sự”, “tuyên truyền đi trước bạo lực”, quan điểm “dùng bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng, và sự thống nhất giữa tư tưởng bạo lực cách mạng

và tư tưởng nhân văn, nhân đạo và hòa bình”. Đại tướng viết: “Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng bạo lực hoàn toàn xa lạ với tư tưởng hiếu chiến, hiếu sát (...). Xuất phát từ lòng yêu nước, thương dân, quý trọng sinh mệnh của con người, Người tranh thủ dùng phương pháp ít đổ máu nhất để giành và giữ chính quyền. Khi đối phương chủ trương gây chiến, Người tìm mọi cách ngăn chặn hoặc đẩy lùi chiến tranh xâm lược. Khi không còn con đường nào khác là phải dùng chiến tranh chính nghĩa chống chiến tranh phi nghĩa, Người kêu gọi toàn quân, toàn dân quyết chiến đấu cho đến thắng lợi cuối cùng. Đồng thời, Người không bỏ lỡ cơ hội đàm phán hòa bình với địch để sớm kết thúc chiến tranh trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước ta” (Đại tướng Võ Nguyên Giáp 2000: 226 - 227).

Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh “hòa bình và khoan dung nhưng không khoan nhượng”, “khoan hồng nhưng không nhu nhược” (Hồ Chí Minh 2011, tập 4: 50), Võ Nguyên Giáp nhấn mạnh *tính chính nghĩa* của nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh vì nền độc lập dân tộc. Tư duy xuyên suốt cuộc đời hoạt động của Đại tướng Võ Nguyên Giáp là: nếu chúng ta buộc phải cầm súng, thì chính là để bảo vệ chủ quyền quốc gia, kiến tạo nền hòa bình và cuộc sống an vui cho nhân dân, đồng thời sẵn sàng mở lòng với tất cả các dân tộc vì mục tiêu hòa bình và tiến bộ xã hội, trên tinh thần văn hóa

khoan dung. Chúng ta sẵn sàng đối thoại với kẻ xâm lược, sẵn sàng nhượng bộ, chấp nhận cả sự lùi bước tạm thời, nghĩa là “nhẫn nhịn” để được sống trong hòa bình, nhưng kiên quyết bảo vệ nền hòa bình trong độc lập và tự do. Hiệp định sơ bộ ngày 6/3/1946 và Tạm ước ngày 4/9/1946 chính là minh chứng cho sự nhượng bộ có giới hạn ấy, dùng sự hòa hoãn để củng cố chính quyền nhân dân non trẻ, tương tự như nước Nga từng ký *Hòa ước Brest-Litovsk* với Đức tháng 3/1918. Vào thời điểm đó, V.I.Lênin nói về “nền hòa bình mong manh”, về việc tranh thủ củng cố chính quyền và phát triển đất nước bằng mọi biện pháp cấp bách, trong đó có cả việc sử dụng chuyên gia tư sản và những thành quả khoa học, kỹ thuật từ các nước tư bản chủ nghĩa (Xem: V.I.Lênin 2005, tập 36: 203, 204, 217, 231-232).

Trong chính sách đối nội, khoan dung, nhân nhượng để giữ vững khối đoàn kết thống nhất là điều cần thiết. Chính phủ đầu tiên sau ngày độc lập tập hợp nhiều thành phần. Trong phiên họp thứ nhất vào ngày 2/3/1946, Quốc hội bầu ra Chính phủ Liên hiệp kháng chiến do lãnh tụ Hồ Chí Minh đứng đầu. Ngoài Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đại tướng Võ Nguyên Giáp (Chủ tịch Kháng chiến ủy viên hội), còn có Phó Chủ tịch Nguyễn Hải Thần, Cố vấn Vĩnh Thụy (Bảo Đại); Chính phủ có 8 bộ thì người của phe đối lập được trao cho 4 bộ quan trọng (Ngoại giao, Kinh tế, Xã hội, Canh

nông). Dù chủ trương chính sách thu hút và phân hóa lực lượng, hòa hợp và hòa giải, đối thoại và chia sẻ giữa các lực lượng, song mục tiêu là rõ ràng: “*Chủ quyền quốc gia phải nằm trong tay nhân dân, quyền lãnh đạo phải nằm trong tay Đảng Cộng sản, Chủ tịch Chính phủ Liên hiệp kháng chiến phải là Hồ Chí Minh*” (Nhiều tác giả 2019: 123).

Để tạo cơ hội cho hòa bình, chúng ta đã nhượng bộ và sẵn sàng đối thoại vì mục tiêu ấy, nhưng đồng thời nắm rõ âm mưu của kẻ xâm lược để tiến hành cuộc đấu tranh trong điều kiện mới. Nhận rõ bản chất của kẻ xâm lược sẵn sàng “giẫm lên chữ ký của mình” khi các thỏa thuận còn chưa ráo mực (Nhiều tác giả 2019: 126), chúng ta chỉ còn một con đường là chiến đấu, “thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ” (Hồ Chí Minh 2011, tập 4: 534).

Tác giả Gérard Le Quang viết về Võ Nguyên Giáp trong những cuộc đấu trí căng thẳng với đại diện Pháp trong năm 1946, qua đó rút ra phương châm hành động của nhà chính trị - quân sự trí dũng song toàn: “Phải tính đến tình hình thế giới cũng như điều kiện khách quan của cuộc đấu tranh chính trị và quân sự, tăng cường các vị thế trên mọi mặt; không quên rằng riêng một hành động dài hơi có thể phải trả giá; không khoan nhượng về các vấn đề nguyên tắc nhưng đồng thời phải mềm dẻo trong thực tiễn. Đó là phương châm hành động của Võ

Nguyễn Giáp và các đồng chí của ông trong các cuộc thương thuyết mà họ tiến hành trong suốt hơn hai mươi năm, từ Fontainebleau đến Paris cho đến Genève sau này” (Gérard Le Quang 2024: 86).

Thứ tư, hòa bình – khoan dung gắn với giá trị nhân văn và hình thành trên nền tảng chủ nghĩa nhân văn mácxít.

Đặc điểm, đồng thời là giá trị đặc sắc của tư tưởng Võ Nguyên Giáp, là sự kế thừa và phát huy tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh. Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh, theo Đại tướng Võ Nguyên Giáp, là “sự kết hợp lòng nhân ái vốn có trong truyền thống văn hóa Việt Nam với tư tưởng nhân nghĩa, nhân văn phương Đông; với tư tưởng “bác ái” giải phóng con người khỏi thần quyền và quân quyền của chủ nghĩa nhân văn phương Tây, đặc biệt là chủ nghĩa nhân đạo cộng sản... cao cả, sâu sắc và hiện thực”, đồng thời “quan tâm và tôn trọng “tính cách riêng”, “sở trường riêng”, “đời sống riêng”, quyền lợi riêng của mỗi người... mở rộng thành lòng *khoan dung*” (Đại tướng Võ Nguyên Giáp 2000: 270, 278).

Tháng 8/1947, trong cuộc nói chuyện với các sĩ quan quân đội nhân dân, với sự hiện diện của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Hồ Chí Minh căn dặn: “Bản thân cán bộ phải chăm lo học tập: học chính trị, học tập chiến lược, chiến thuật, học cách cầm quân... làm sao đánh thắng giặc mà đỡ xương máu của chiến sĩ, của đồng bào, rút ngắn lại những ngày

đau khổ” (Nhiều tác giả 2019: 163). Võ Nguyên Giáp cũng thể hiện văn hóa khoan dung trong tư tưởng quân sự của mình. Thượng tướng Trần Văn Trà từng nói về vị Tổng tư lệnh “biết đau với từng vết thương của mỗi người lính, biết tiếc giọt máu của mỗi chiến binh” (Dẫn theo: Cecil B.Currey 2013: 12). Chuyển từ “đánh nhanh, thắng nhanh” sang “đánh chắc, thắng chắc” cũng không nằm ngoài tính toán về nghệ thuật dùng binh giảm thương vong cho bộ đội, xét tương quan và thế trận tại chiến dịch Điện Biên Phủ. Trong cuốn hồi ức *Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng*, đúc kết hơn hai mươi năm chống Mỹ, Đại tướng bày tỏ nỗi xót xa trước sự hy sinh của đồng bào và chiến sĩ trong những trận chiến mà lẽ ra sẽ ít thương vong nếu không mắc sai lầm chiến lược cục bộ (Xem: Đại tướng Võ Nguyên Giáp 2025: 353-355).

Khát vọng hòa bình luôn đi đôi với ý chí bất khuất và niềm tin vào thắng lợi của sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ chủ quyền của Tổ quốc. Trong những lúc khó khăn nhất, nhà chiến lược thiên tài vẫn tin vào con người, cảm nhận về chiến thắng cuối cùng. Năm 1947, giữa vòng vây kẻ thù, Võ Nguyên Giáp khẳng định: “Khó khăn của ta là khó khăn của bước đường đi đến thắng lợi, khó khăn của địch là khó khăn trên con đường đi xuống, không thể nào khắc phục được” (Đại tướng Võ Nguyên Giáp 1995: 298). Thế

trận lòng dân là sức mạnh bách chiến bách thắng trước mọi kẻ thù.

3. Tư tưởng Võ Nguyên Giáp về hòa bình và khoan dung với sự nghiệp đổi mới đất nước

Sau Đại thắng mùa Xuân năm 1975, Võ Nguyên Giáp mang thông điệp hòa bình và văn hóa khoan dung Việt Nam – Hồ Chí Minh đến với nhân dân thế giới thông qua những chuyến đi của mình, nhất là trong các hội thảo quốc tế. Trong cuộc trò chuyện với Brzezinsky, cố vấn tương lai của Tổng thống Mỹ, Đại tướng Võ Nguyên Giáp nói: “Ngài hãy nói với người Mỹ là chiến lược của Giáp là chiến lược hòa bình, độc lập và tự do”; “Người Việt Nam biết thế nào là chiến tranh. Người ta đã buộc chúng tôi phải tham gia chiến tranh và chúng tôi đã phải phát động chiến tranh để tự bảo vệ. Đó là một cuộc chiến tranh mà chúng tôi bắt buộc phải làm, chúng tôi là dân tộc yêu chuộng hòa bình nhất thế giới” (Dẫn theo: Cecil B.Currey 2013: 330). Tiếp chuyện Kennedy (J.F.K.Junior) và cựu Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ R.Mc.Namara, Đại tướng Võ Nguyên Giáp khẳng định về một nền văn hóa vững bền, tạo nên sức mạnh nội sinh của dân tộc, và bày tỏ mong muốn khép lại quá khứ đau thương do đế quốc Mỹ gây ra cho nhân dân Việt Nam để kiến tạo nền hòa bình lâu dài và quan hệ thân thiện, khoan dung giữa Việt Nam với Hoa Kỳ (Xem: Đại tướng Võ Nguyên Giáp 2025: 355-357). Tinh thần đó đã được Đảng ta phát huy trong công cuộc đổi mới đất nước, mà gần đây nhất

là nâng cấp quan hệ giữa Việt Nam và Hoa Kỳ lên quan hệ đối tác chiến lược toàn diện. Như vậy, văn hóa hòa bình và khoan dung được hiện thực hóa trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Từ mạch nguồn văn hóa dân tộc, hòa bình và khoan dung chiếm vị trí quan trọng trong tư tưởng Võ Nguyên Giáp, để lại dấu ấn sâu đậm trong lịch sử tư tưởng Việt Nam ở thời đại Hồ Chí Minh. Từ khía cạnh lý luận và thực tiễn, tư tưởng đó góp phần không nhỏ vào định hướng chiến lược trong thời kỳ đất nước bước vào xây dựng hòa bình, ổn định và phát triển. Một số gợi mở của Đại tướng Võ Nguyên Giáp cho đến nay đã trở thành yếu tố không thể thiếu của sự nghiệp đổi mới đất nước. Trải qua gần 40 năm đổi mới, tư tưởng Võ Nguyên Giáp về hòa bình và khoan dung tiếp tục đồng hành cùng đất nước trong quá trình hội nhập quốc tế.

Không dưới một lần, Đại tướng Võ Nguyên Giáp khẳng định, Việt Nam là một dân tộc yêu chuộng hòa bình, tranh thủ từng phút, từng giờ cho hòa bình, và sẵn sàng mở lòng với thế giới, khoan dung với đồng bào mình và với cả kẻ ngoại xâm biết tôn trọng chính nghĩa của người Việt Nam, lịch sử và văn hóa Việt Nam. Dân tộc Việt Nam là một dân tộc thân thiện và hiếu khách, mong muốn làm bạn với tất cả - đó là nguyên tắc ứng xử dựa trên nền tảng của văn hóa khoan dung và khát vọng hòa bình ngàn đời. Vì thế, trong thời bình, trong quá trình “đi vào trận mới”, hành trang của Võ Nguyên Giáp là “bộ

óc của nhà chiến lược có tài, một trái tim đầy nhiệt huyết của người chiến sĩ – trí thức yêu nước, thương dân, mong đánh thắng cái nghèo, cái lạc hậu...” (Trần Thái Bình 2024: 384).

Từ luận văn “*Vấn đề dân cày*” (1937), Võ Nguyên Giáp tiếp tục con đường của mình: quan tâm đến con người, trước hết là người lao động trong thời kỳ mới, xem con người là nhân tố hàng đầu không chỉ xét từ khía cạnh lực lượng sản xuất, mà trước hết từ khía cạnh lịch sử - xã hội và văn hóa, hình thành chiến lược phát triển đất nước trong thời bình, phát huy văn hóa hòa bình và khoan dung của dân tộc trong đường lối đối nội và đối ngoại.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp ý thức rằng, “chiến tranh dễ hơn xây dựng hòa bình, phá đi bao giờ cũng dễ hơn xây mới” (Gérard Le Quang 2024: 181). Không ngủ quên trên chiến thắng, Đại tướng nghĩ ngay đến việc “phát huy đến đỉnh cao nội lực của đất nước, chủ yếu là con người, trên cơ sở đó mà chủ động hội nhập vào khu vực và thế giới, tranh thủ các nguồn vốn, công nghệ và tri thức quản lý của nước ngoài” (Đại tướng Võ Nguyên Giáp 2025: 361).

Tư tưởng Võ Nguyên Giáp thể hiện hình ảnh của một nhà chính trị có *tầm nhìn vượt thời gian*. Đối với ông, vấn đề cốt lõi, yếu tố tiên phong trong tiến bộ xã hội ở thời đại mới là đầu tư cho khoa học – kỹ thuật. Từ quan điểm của Võ Nguyên Giáp về ưu tiên đầu tư cho khoa học, kỹ thuật đến Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính

trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là một chặng đường 50 năm, với không ít thăng trầm, trải qua cả phép thử về chiến lược, sách lược và quá trình nhận thức lại mô hình phát triển, song mục tiêu cao nhất vẫn là mở rộng không gian cho việc phát huy nhân tố con người, kiên trì nguyên tắc an dân, khoan thư sức dân, lấy quan điểm “dân là gốc” làm điều kiện cơ bản cho phát triển và ổn định xã hội. Đại tướng Võ Nguyên Giáp thể hiện tầm nhìn về mối quan hệ biện chứng giữa phát triển kinh tế và gìn giữ môi trường – cân bằng sinh thái, tức kinh tế Xanh, về kinh tế biển đảo, kinh tế nhiều thành phần, *chú ý đến kinh tế tư nhân* (Xem: Trần Thái Bình 2024: 388, 390). Ý tưởng này được Đại tướng Võ Nguyên Giáp nêu ra từ năm 1977, đến nay, sau 48 năm, đã được phát triển thành chiến lược lớn của đất nước qua bài phát biểu của Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi bế mạc Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII: “Trong mô hình tăng trưởng mới lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia làm động lực chủ yếu. Kinh tế tư nhân (gồm cả khu vực tư nhân trong nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài) là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia” (Báo Sài Gòn giải phóng 2025: 2).

Để đẩy nhanh quá trình hội nhập quốc tế, cần phát huy mọi nguồn lực, đồng thời phải thấy được những thách thức trên con đường kiến tạo hòa bình cho nhân loại. Bước sang thế kỷ XXI,

Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết: “Đi đôi với nguyện vọng hòa hoãn và hòa bình của phần lớn loài người tiến bộ, thì các cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột sắc tộc tôn giáo vẫn tiếp diễn với cuộc chạy đua vũ trang chưa từng có về vũ khí công nghệ cao” (Đại tướng Võ Nguyên Giáp 2025: 360). Nhận diện tính phức tạp của tình hình quốc tế, chúng ta kiên trì đường lối hòa bình, hữu nghị với các nước trên cơ sở giữ vững chủ quyền và độc lập dân tộc. Trong *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, đường lối chiến lược “đi bất biến, ứng vạn biến” tiếp tục được khẳng định: “Nước nào tạo cho mình một tư thế quốc tế năng động, linh hoạt, càng đa dạng được mối quan hệ đối ngoại thì càng có khả năng thực hiện được chính sách độc lập tự chủ... *Việt Nam phải tạo ra một năng lực nội sinh làm nền tảng cho sự phát triển bền vững*, xây dựng được các mối quan hệ quốc tế ổn định, thuận lợi cả về mặt kinh tế, chính trị và an ninh...” (Đại tướng Võ Nguyên Giáp 2000: 366-367).

4. Kết luận

Tư tưởng về hòa bình và khoan dung của Đại tướng Võ Nguyên Giáp là sự kết tinh giá trị truyền thống của dân tộc trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Là người kiên định với lý tưởng cộng sản, đức độ, nhân văn, khiêm nhường, suốt đời đặt lợi ích của nhân dân lên trên hết và trước hết, tư tưởng Võ Nguyên Giáp vượt qua khuôn khổ quốc gia, vươn đến tầm nhân loại. Tác giả cuốn sách *Chiến thắng bằng mọi giá* đã dành cho ông những lời ngợi

ca nhiệt thành: “Lòng yêu thương trên hết của tướng Giáp dành cho đất nước và sau đó là lòng trung thành của ông đối với Đảng Cộng sản... Trong suốt cuộc đời nghị lực của ông hướng về hai mục đích ấy. Toàn bộ tham vọng, niềm kiêu hãnh vô bờ bến của ông đều phục vụ cho những mục tiêu đó”; ông là “một trong những vĩ nhân của thời đại” (Cecil B.Currey 2013: 342).

Nhân dịp Đại tướng Võ Nguyên Giáp tròn 90 tuổi, một nhà giáo đã viết đôi câu đối chúc mừng ông: “*Văn lo vận nước Văn thành Võ - Võ thấu lòng dân, Võ hóa Văn*” (Đỗ Sơn 2013). Đôi câu đối ấy cô đọng toàn bộ sự nghiệp vĩ đại của Đại tướng Võ Nguyên Giáp – thiên tài quân sự, nhà chính trị và nhà tư tưởng vì dân, một trong những người kiến tạo văn hóa hòa bình và khoan dung mang bản sắc Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh.

Tài liệu trích dẫn

1. Trần Thái Bình. 2024. *Võ Nguyên Giáp hào khí trăm năm*. Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ.
2. Nhiều tác giả. 2019. *Chủ tịch Hồ Chí Minh với Đại tướng Võ Nguyên Giáp*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Nxb. Văn học.
3. Cecil B.Currey. 2013. *Chiến thắng bằng mọi giá*. Nguyễn Văn Sự dịch. Hà Nội: Nxb. Thế giới – Công ty sách Thái Hà, Nhà sách Hương Nam Book.
4. *Đại Việt sử ký toàn thư*. 1985. Tập II. Hoàng Văn Lâu dịch. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.
5. Trần Hưng Đạo. 2022. *Binh thư yếu lược*. Nguyễn Ngọc Tinh, Đỗ Mộng

Khương dịch, Đào Duy Anh hiệu đính. Hà Nội: Nxb. Dân trí.

6. I.Kant. 1917. *Perpetual Peace: a philosophy essay (Zum ewigen Frieden: Ein philosophischer Entwurf)*. M. C. Smith, Trans. New York: The Macmillan company.

7. V.I.Lênin. 2005. *Toàn tập*. Tập 25. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

8. V.I.Lênin. 2005. *Toàn tập*. Tập 36. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

9. V.I.Lênin. 2005. *Toàn tập*. Tập 41. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

10. V.I.Lênin. 2005. *Toàn tập*. Tập 45. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

11. C.Mác và Ph.Ăngghen. 1995. *Toàn tập*. Tập 4. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

12. Hồ Chí Minh. 2011. *Toàn tập*. Tập 1. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

13. Hồ Chí Minh. 2011. *Toàn tập*. Tập 4. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

14. Hồ Chí Minh. 2011. *Toàn tập*. Tập 10. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

15. Hồ Chí Minh. 2011. *Toàn tập*. Tập 15. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

16. Gérard Le Quang. 2024. *Võ Nguyên Giáp hay cuộc chiến tranh nhân dân*. Hà Nội: Nxb. Thế giới.

17. Báo Sài Gòn giải phóng, ISSN 2615-9880, số 17190, Chủ nhật, 13/4/2025.

18. Đỗ Sơn. 2013. *Gặp tác giả câu đối về Đại tướng Võ Nguyên Giáp* (<https://tienphong.vn/gap-tac-gia-cau-doi-ve-dai-tuong-vo-nguyen-giap-post551910.tpo>). Truy cập ngày 06/10/2013.

19. Đinh Ngọc Thạch. 2025. *Phật*

giáo với văn hóa khoan dung Việt Nam – Hồ Chí Minh. Tạp chí Khoa học xã hội Tp.Hồ Chí Minh, số 3 (324).

20. Nguyễn Đăng Thục. 1998. *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*. Tập 2. Hồ Chí Minh: Nxb. Tp. Hồ Chí Minh.

21. Huỳnh Khái Vinh, Nguyễn Thanh Tuấn. 1997. *Bàn về khoan dung trong văn hóa*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

22. Đại tướng Võ Nguyên Giáp. 2018. *Điện Biên Phủ*. Xuất bản lần thứ tám. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

23. Đại tướng Võ Nguyên Giáp. 1976. *Những chặng đường lịch sử*. Hà Nội: Nxb. Văn học.

24. Đại tướng Võ Nguyên Giáp (Chủ biên). 2000. *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

25. Đại tướng Võ Nguyên Giáp. 2025. *Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng*. Hồi ức, Phạm Chí Nhân thể hiện, xuất bản lần thứ 11. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

26. Đại tướng Võ Nguyên Giáp. 1995. *Chiến đấu trong vòng vây*. Hồi ức, Hữu Mai thể hiện. Hà Nội: Nxb. Quân đội nhân dân – Nxb. Thanh niên.

27. UNESCO. 1996. *Tạp chí “Người đưa tin”, tháng 3/1996*, bản tiếng Việt.

28. UNESCO. 1995. *Tuyên bố về các nguyên tắc khoan dung (Declaration of Principles on Tolerance)* (http://portal.unesco.org/en/ev.php-URL_ID=13175&URL_DO=DO_TOPIC&URL_SECTION=201.html). Truy cập ngày 16/11/1995.